

HỆ QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU

096.321.3087

| CÂU HỎI | TRẢ LỜI |
|---|--|
| <p>@V_GRADE nhận giá trị 'C' thì @V_PRICE sẽ nhận giá trị thế nào?</p> <pre>IF @V_PRICE > 1000 Set @V_GRADE = 'A' ELSE IF @V_PRICE > 900 Set @V_GRADE = 'B' ELSE IF @V_PRICE > 800 Set @V_GRADE = 'C' ELSE IF @V_PRICE > 600 Set @V_GRADE = 'D' ELSE Set @V_GRADE = 'E'</pre> | <p>@V_PRICE trong khoảng 801 và 900 V_PRICE lớn hơn 1000</p> |
| <p>Allen muốn xóa thủ tục dbo.fx_order_cost. Lệnh nào được dùng để xóa thủ tục này?</p> | <p>DROP</p> |
| <p>Bạn là nhà quản trị CSDL SQL. Bạn đang phát triển 1 ứng dụng DB cho phòng kế toán công ty của bạn. Ứng dụng này chứa nhiều modules được tích hợp nhau. Các user thường gặp phải deadlock bất kỳ lúc nào một người nào đó thực hiện 1 hàm mà nó cần tích hợp từ nhiều module. Làm thế nào để giảm thiểu các deadlock này?</p> | <p>. Bạn cần phải bảo đảm là tất cả các transaction chỉnh sửa dữ liệu các bảng phải theo cùng 1 thứ tự</p> |
| <p>Biến @a nhận giá trị nào khi khối lệnh sau được thực thi?</p> <pre>DECLARE @a int BEGIN select @a= @a + 1 END select @a</pre> <p>1 0 Tất cả đều sai</p> | <p>NULL</p> |

| | |
|---|--|
| <p>Các đặc điểm sau là của phương pháp sao lưu nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> -Chỉ sao lưu những thay đổi trên dữ liệu kể từ lần full backup gần nhất -Sử dụng ít tài nguyên hơn -Không ảnh hưởng đến hiệu suất của hệ thống -Sẽ vô nghĩa nếu không có bản sao lưu full backup | Differential |
| <p>Các đặc điểm sau là của phương pháp sao lưu nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> -Sao lưu bản đầy đủ của CSDL -Quá trình được thực hiện mà không cần offline CSDL -Chiếm lượng lớn tài nguyên hệ thống -Ảnh hưởng thời gian đáp ứng các yêu cầu hệ thống | Full backup |
| Các hàm nào không thể sử dụng với kiểu dữ liệu xâu? | SUM() và AVG() |
| Các lệnh nào sau đây bạn sẽ dùng để tạo thủ tục (procedure) mà nhận vào 1 ký tự và hiển thị các tiêu đề bắt đầu với ký tự đó: | <pre>Create procedure prcDispName@cValue char(1)asSelect * from titles Where title like '@cValue%'</pre> |
| Các phương pháp phân mảnh gồm: | Tất cả các phương án đều đúng |
| Các trường hợp nào bắt buộc phải sử dụng trigger? | Tất cả các phương án đều đúng |
| Cảnh báo lỗi “..... .mdf cannot be overwritten. It is being used by database ‘...’” xảy ra khi thực hiện thao tác gì? | Khôi phục CSDL |
| Cấu hình nào sau đây được Windows cung cấp sẵn, dùng làm kết nối trung gian giữa ứng dụng và các hệ quản trị CSDL? | ODBC |
| <p>Câu lệnh CREATE LOGIN <tên đăng nhập> FROM WINDOWS</p> <p>[WITH [DEFAULT_DATABASE = <Tên CSDL>]</p> <p>được dùng để làm gì?</p> | Tạo login với quyền đăng nhập Window |
| Câu lệnh để cấp phát tất cả các quyền cho tất cả các tài khoản được viết như thế nào? | GRANT all TO public |
| Câu lệnh để hủy bỏ tất cả các quyền trên CSDL đối với tài khoản db_user1 | REVOKE ALL FROM db_user1 |

| | |
|---|--|
| Câu lệnh để thực hiện “Hủy bỏ quyền xem và cập nhật dữ liệu trên cột ‘Luong’ của bảng nhân viên đối với tài khoản có tên là ‘db_user1’ ” được viết như thế nào? | REVOKE SELECT, UPDATE ON NHANVIEN(Luong) FROM db_user1 |
| Câu lệnh để thực hiện Cấp phát cho tài khoản ‘db_user1’ được quyền xem và cập nhật dữ liệu trên cột ‘hoten, diachi, và Luong của bảng nhân viên’ được viết như thế nào? | GRANT SELECT, UPDATE ON NHANVIEN(hoten, diachi, luong) TO db_user1 |
| Câu lệnh nào được phép dùng trong khối lệnh T-SQL? | DELETE |
| Câu lệnh nào không được phép dùng trong khối lệnh T-SQL? | Create |
| Câu lệnh sau thực hiện công việc gì? DENY SELECT, INSERT, UPDATE ON TacGia TO db_user1, db_user2 | Từ chối quyền được phép chọn – chèn và sửa trên bảng TacGia với tài khoản db_user1 và db_user2 |
| Câu lệnh sau thực hiện gì? GRANT CREATE TABLE, CREATE VIEW TO db_user | Cấp quyền được phép tạo bảng và tạo view đối với tài khoản db_user |
| Cấu trúc nào sau đây dùng để thực hiện công việc sau: Tăng 25% lương của nhân viên sinh trước năm 1980 Tăng 10% lương của nhân viên sinh từ năm 1980 đến 1990 Không tăng lương của nhân viên sinh sau năm 1990 | IF... ..ELSIF...ELSE |
| Có mấy kiểu xác thực trong SQL Server | 3 |
| Có mấy kỹ thuật sao lưu? | 3 |
| Có mấy loại trigger? | 3 |
| Có mấy phương pháp phân tán CSDL? | 4 |
| Có mấy phương pháp thực hiện phân mảnh dữ liệu | 3 |
| Có thể đặt mấy cột trong bảng làm khóa chính? | Trên nhiều cột |
| Cơ sở dữ liệu hệ thống Msdb dùng để? | Hoạch định các báo động và công việc cần làm (schedule alerts and jobs) |
| Cú pháp để truy xuất đến một bảng của CSDL khác năm khác Server là: | [ServerName][.DatabaseName][.owner][.tableName] |

| | |
|---|---|
| Cú pháp để truy xuất đến một bảng của CSDL khác trong cùng Server là: | [database][.owner][.tableName] |
| <p>Cho bảng NV(MaNV, ..., MaPB), DA(MaDA, ..., MaPB) và PB(MaPB,).</p> <p>Viết trigger để khi xóa một PB thì các nhân viên và dự án của phòng ban đó cũng được xóa luôn.</p> | <pre> CREATE TRIGGER XoaPB ON PHONGBAN AFTER Delete AS Begin DECLARE @MaPhg nvarchar(9) SELECT @MaPhg = MaPB FROM DELETED IF EXISTS(SELECT * FROM NHANVIEN WHERE MaPB = @MaPhg) DELETE FROM NHANVIEN WHERE MaPB = @MaPhg IF EXISTS(SELECT * FROM DEAN WHERE MaPB = @MaPhg) DELETE FROM DEAN WHERE MaPB = @MaPhg End </pre> |
| <p>Cho bảng PHANCONG(MADA, MANV, SoGio)</p> <p>Đoạn mã tạo trigger cho phép nhập số giờ của nhân viên chỉ là từ 5 đến 10 khi thêm phân công nhân viên thực hiện dự án</p> | <pre> CREATE TRIGGER TG_PC ON PHANCONG INSTEAD OF insert AS BEGIN declare @tg as float SELECT @tg = SoGio from INSERTED if (@tg<5 or @tg>10) Raiserror('Thoi gian chi nhap tu 5 den 10', 16,1) END </pre> |

Cho các bảng
LOP(malop, TenLop, NienKhoa, SiSo)
SINHVIEN (MaSV, Hoten, NS, GT, maLop)
Viết trigger khi sươar một lớp nào đó thì các sinh
viên thuộc lớp đó cũng sửa theo.

```
CREATE TRIGGER
UpdateMaLop
ON LOP
FOR UPDATE
AS
BEGIN
IF UPDATE( MaLop)
BEGIN
DECLARE @MaLopCu
nvarchar(9), @MaLopMoi
nvarchar(9)
SELECT @MaLopCu = MaLop
FROM DELETED
SELECT @MaLopMoi = MaLop
FROM INSERTED
If ( EXISTS (select MaLop from
SINHVIEN Where MaLop=
@MaLopCu) )
UPDATE SINHVIEN SET
MaLop = @MaLopMoi
WHERE MaLop = @MaLopCu
END
END
```

| | |
|---|---|
| <p>Cho các bảng PHONGBAN (MAPB, TENDV , MaTP, NgayBD, SoNV), NHANVIEN (MANV, HOTen, NS, GT, HSL, DC, MAPB, NgayVL), DUAN (MADA, TENDA, DIADIEM, NgBD, MAPB) Viết trigger khi thay đổi mã cho một phòng thì các nhân viên và dự án thuộc phòng ban đó cũng phải thay đổi theo</p> | <pre> UpdateMaPhong ON PHONGBAN FOR UPDATE AS BEGIN IF UPDATE(MaPhong) BEGIN DECLARE @MaPhgCu nvarchar(9), @MaPhgMoi nvarchar(9) SELECT @MaPhgCu = MaPB FROM DELETED SELECT @MaPhgMoi = MaPB FROM INSERTED If (EXISTS (select MaPB from DUAN Where MaPB = @MaPhgCu)) UPDATE DUAN set MaPB = @MaPhgMoi WHERE MaPB = @MaPhgCu END END </pre> |
| <p>Cho CSDL “QLGV” với bảng tbINV phân mảnh dọc theo nguyên tắc sau: -Server1 gồm các thông tin: MaNV, HoTen, GioiTinh -Server2 gồm các thông tin: MaNV, DiaChi, DienThoai, Email Câu lệnh còn thiếu để tạo view đầy đủ danh sách các GV lấy từ cả 2 server (view được viết trên Server2) Create View DSNV as begin Select tbINV.MaNV, Hoten, GioiTinh, DiaChi, DienThoai, Email From tbINV, Server1.QLGV.dbo.tbINV Where end</p> | <pre> tbINV.MaNV = Server1.QLGV.dbo.tbINV.MaNV </pre> |

| | |
|--|--|
| <p>Cho CSDL “QLGV” với bảng tblNV phân mảnh dọc theo nguyên tắc sau:</p> <p>-Server1 gồm các thông tin: MaNV, HoTen, GioiTinh</p> <p>-Server2 gồm các thông tin: MaNV, DiaChi, DienThoai, Email</p> <p>Đoạn code thiếu để chèn thêm một nhân viên mới vào bảng (thủ tục được viết trên Server2)</p> <pre>Create Proc splInsertNhanVien (@ma varchar(10), @HTnV varchar(20), @GT as nvarchar(3), @DC as nvarchar(20), @DT as nvarchar(20), @Email as nvarchar(20))@diachi nvarchar(30), @dienthoai varchar(11)) as Begin Insert Into tblNV Values(@ma, @DC, @DT, @Email) print N'Thêm thành công' End</pre> | <pre>Insert Into Server1.QLGV.dbo.tblNV Values(@ma,@HT, @GT)</pre> |
| <p>Cho CSDL “QLNV” với bảng tblNhanVien(MaNV, TenNV, GioiTinh, DiaChi) phân mảnh ngang theo nguyên tắc sau:</p> <p>-Server1 gồm các nhân viên Nữ</p> <p>-Server2 gồm các nhân viên Nam</p> <p>Câu lệnh để có được bảng đầy đủ danh sách các nhân viên (cả nam và nữ) từ Server 2 là gì?</p> | <pre>Select MaNV, TenNV, GioiTinh, DiaChi from Server1.QLNV.dbo.tblNhanvien Union Select MaNV, TenNV, GioiTinh, DiaChi From tblNhanvien</pre> |

| | |
|--|---|
| <p>Cho CSDL “QLNV” với bảng tblNhanVien(MaNV, TenNV, GioiTinh, DiaChi) phân mảnh ngang theo nguyên tắc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Server1 gồm các nhân viên Nữ -Server2 gồm các nhân viên Nam <p>Đoạn code để chèn thêm một nhân viên mới vào bảng (thủ tục được viết trên Server2)</p> | <pre>Create Proc spInsertNhanvien (@ma varchar(10), @ten nVarchar(20), @gioitinh nvarchar(3), @diachi varchar(30)) as Begin If @gioitinh = 'Nam' Insert Into tblNhanvien Values(@ma, @ten, @gioitinh, @ diachi) Else Insert Into Server1.QLNNV.dbo.tblNhanvi en Values(@ma, @ten, @gioitinh, @ diachi) print N'Thêm thành công' End</pre> |
| <p>Cho CSDL “QLNV” với bảng tblPhongBan phân mảnh dọc theo nguyên tắc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Server1 gồm các thông tin: MaPhong, TenPhong -Server2 gồm các thông tin: MaPhong, DiaDiem, DienThoai <p>Câu lệnh để có được bảng đầy đủ các thông tin: MaPhong, TenPhong, DiaDiem, DienThoai từ Server 2 là gì?</p> | <pre>Select a.MaPhong, TenPhong, DiaDiem, DienThoai From Server1.QLNV.dbo.tblPhongb an a, tblPhongBan b Where a.MaPhong = b.MaPhong</pre> |

| | |
|--|---|
| <p>Cho CSDL “QLNV” với bảng tblPhongBan phân mảnh dọc theo nguyên tắc sau:</p> <p>-Server1 gồm các thông tin: MaPhong, TenPhong</p> <p>-Server2 gồm các thông tin: MaPhong, DiaDiem, DienThoai</p> <p>Đoạn code để chèn thêm một phòng ban mới vào bảng (thủ tục được viết trên Server2)</p> | <pre> Create Proc spInsertPhongban (@ma varchar(10), @ten nVarchar(20), @diachi nvarchar(30), @dienthoai varchar(11)) as Begin Insert Into tblPhongBan Values(@ma, @diachi, @đienthoai) Insert Into Server1.QLNV.dbo.tblPhongB an Values(@ma,@ten) print N'Thêm thành công' End </pre> |
| <p>Cho CSDL “QuanLyKH” cài đặt trên máy “Server2” có chứa bảng “KhachHang”. Tại máy “Server1” muốn lấy các thông tin trong bảng “KhachHang” thì câu lệnh thực hiện là:</p> | <pre> SELECT * FROM Server2.QuanlyKH.dbo.KhachH ang </pre> |

| | |
|---|---|
| <p>Cho CSDL gồm 2 bảng: DUAN (MADA, TENDA, DIADIEM, NgayBD, MAPB) PHANCONG MADA, MANV, SoGio, NgLamDA) Viết trigger để kiểm soát ngày làm gia dự của nhân viên phải sau ngày dự án đó bắt đầu</p> | <pre>CREATE TRIGGER CHECK_NGAY_THAM_GIA_DA ON PHANCONG AFTER UPDATE, INSERT AS IF UPDATE(NgayThamGia) -- Kiểm tra việc cập nhật trên cột BEGIN declare @NgTG datetime, @NgBD datetime SET @NgTG = (SELECT NgLamDA FROM INSERTED) SET @NgBD = (SELECT NgayBD FROM DEAN, INSERTED WHERE DEAN.MaDA = INSERTED.MaDA) IF (@NgTG < @NgBD) BEGIN raiserror(N'Ngày Tham gia phải sau ngày Bắt đầu',16,1) END END</pre> |
| <p>Cho CSDL Quản lý nhân sự gồm các bảng: NHANVIEN(MaNV, HoTen, HSL, PC, GioiTinh, MaPB) PHONGBAN(MaPB, TenPB, DiaDiem) Đề tài khoản db_user1 được quyền lựa chọn - cập nhật trên thuộc tính HoTen, Hệ số lương của bảng NHANVIEN và trên thuộc tính tên phòng ban của bảng PHONGBAN thì câu lệnh phân quyền đầy đủ là gì?</p> | <pre>REVOKE SELECT, UPDATE ON NHANVIEN(HoTen, HSL) FROM db_user1 REVOKE SELECT, UPDATE ON PHONGBAN(TenPB) FROM db_user1</pre> |

| | |
|--|--|
| <p>Cho CSDL Quản lý nhân sự gồm các bảng: NHANVIEN(MaNV, HoTen, HSL, PC, GioiTinh, MaPB) PHONGBAN(MaPB, TenPB, DiaDiem) Tài khoản “db_user1” được thực hiện câu lệnh nào sau khi đoạn mã sau được thực hiện: REVOKE SELECT, UPDATE ON NHANVIEN(HoTen, HSL) FROM db_user1 REVOKE SELECT, UPDATE ON PHONGBAN(TenPB) FROM db_user1</p> | <p>Select HoTen, HSL, TenPB From NHANVIEN, PHONGBAN Where NHANVIEN.MaPB = PHONGBAN.MaPB Update NHANVIEN Set HSL = HSL + 1 Where GioiTinh = N'Nữ’</p> |
| <p>Cho đoạn lệnh: declare @IX int =100 while (@IX <=110) begin print @IX if @IX=105 break set @IX = @IX +1 END Mấy dòng dữ liệu được in ra</p> | <p>6</p> |
| <p>Cho đoạn lệnh: DECLARE @V1 int BEGIN SELECT COUNT(*) FROM nhanvien END BEGIN set @V1= @@ROWCount END Giá trị @V1 sẽ nhận là?</p> | <p>Tùy thuộc vào số lượng bản ghi của bảng Nhanvien</p> |
| <p>Cho đoạn mã sau. DECLARE @V_BONUS INT, BEGIN SELECT @V_SALARY = luong FROM nhanvien WHERE manv = 1 set @V_BONUS = @V_SALARY * 0.1; END select @V_BONUS Nguyên nhân đoạn mã gây ra lỗi:</p> | <p>Chưa khai báo biến @V_SALARY</p> |

| | |
|--|---|
| <p>Cho đoạn mã tạo trigger:</p> <pre>CREATE TRIGGER NV_GT ON NHANVIEN INSTEAD OF INSERT As BEGIN declare @Gt as nvarchar(3) select @gt = GT from INSERTED if (@gt not in ('Nam', N'Nữ')) Raiserror('Ban nhap sai Gioi tinh',16,10) END</pre> <p>Cho biết ý nghĩa của dòng code “select @gt = GT from INSERTED”</p> | <p>Lấy giá trị đang được nhập tạm thời của thuộc tính Giới tính trong bảng INSERTED khi thêm với bảng NHÂN VIÊN</p> |
| <p>Cho đoạn mã tạo trigger:</p> <pre>CREATE TRIGGER NV_GT ON NHANVIEN INSTEAD OF INSERT As BEGIN declare @Gt as nvarchar(3) select @gt = GT from INSERTED if (@gt not in ('Nam', N'Nữ')) Raiserror('Ban nhap sai Gioi tinh',16,10) END</pre> <p>Cho biết ý nghĩa của đoạn mã</p> | <p>Tạo trigger kiểm tra giới tính nhập vào cho bảng NHANVIEN chỉ nhập từ Nam hoặc Nữ, nếu nhập sai được ra thông báo “Bạn nhập sai Giới tính”</p> |
| <p>Cho T-SQL block sau, dòng nào gây ra lỗi?</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. DECLARE 2. @V_DEPTNO INT 3. BEGIN 4. SET @V_DEPTNO = 20 5. SELECT ENAME, SALARY FROM EMP WHERE DEPTNO = @V_DEPTNO 6. END | <p>Không có dòng nào gây lỗi.</p> |

| | |
|--|--|
| <p>Cho T-SQL block sau:</p> <pre> DECLARE @X INT = 100 WHILE (@x<= 108) IF @x = 102 break ELSE BEGIN Insert into NHANVIEN(manv) values (@X) SET @X=@X+1 END </pre> <p>Bao nhiêu dòng được thêm vào bảng Nhanvien khi thực thi block?</p> | 2 |
| <pre> Declare @a int = 5, @b int = null, @c int = 10 Begin if @a > @b AND @a < @c set @a=@c*@a select @a End </pre> <p>Giá trị của a sẽ là?</p> | 5 |
| Dịch vụ chuyển đổi dữ liệu DTS của SQL Server thực hiện chức năng gì? | Chuyển dữ liệu giữa các Server |
| Đặc điểm của trigger là gì? | Trigger có thể thực hiện nhiều công việc và được thực hiện tự động thông qua sự kiện |

| | |
|---|--|
| <p>Để báo cáo số lượng bán được theo từng năm của 1 đầu sách (title) nào đó, người ta đã tạo 1 thủ tục với nội dung như sau:CREATE PROCEDURE get_sales_for_title@title varchar(80),@ytd_sales int OUTPUTASSELECT @ytd_sales = ytd_sales FROM titles WHERE title = @titleIF @@ROWCOUNT = 0RETURN(-1)ELSERETURN(0)Biến hệ thống @@ROWCOUNT luôn trả về số bản ghi của lệnh SQL vừa được thực hiện trước đó. Bạn cần tạo 1 script để gọi thủ tục trên. Nếu thủ tục chạy thành công, nó sẽ báo cáo số lượng bán được, ngược lại thì hiển thị thông báo "No Sales Found". Script này được tạo như thế nào?</p> | <pre>DECLARE @retval int DECLARE @ytd int EXEC get_sales_for_title 'Net Etiquette', @retval OUTPUTIF @retval < 0PRINT 'No sales found'ELSEPRINT 'Year to date sales: ' + STR (@ytd)GO</pre> |
| Để khai thác đến một bảng của CSDL khác trong cùng Server cần phải xác định thông tin gì? | Tất cả các thông tin |
| Để liên kết đến server khác có những cách nào? | Tất cả các phương pháp đều đúng |
| Để tạo trigger phải xác định những nội dung gì | Tất cả các nội dung được liệt kê |
| Điều gì làm cho vòng lặp WHILE ngừng lặp? | Khi điều kiện được đánh giá là FALSE |
| Điều kiện của của phân mảnh phải thoả mãn là gì khi thực hiện phân mảnh ngang | Các phân mảnh phải đảm bảo tách rời $R_i \cap R_j = \emptyset$ |
| <p>Đoạn mã tạo trigger để cho phép chỉ nhập giá trị Nam hoặc Nữ khi thêm vào bảng NHANVIEN là?</p> | <pre>CREATE TRIGGER NV_GT ON NHANVIEN INSTEAD OF INSERT As BEGIN declare @Gt as nvarchar(3) select @gt = GT from INSERTED if (@gt not in ('Nam', N'Nữ')) Raiserror('Ban nhap sai Gioi tinh',16,10) END</pre> |
| Độ lớn của một cột kiểu CHAR? | 1 byte |

| | |
|---|---|
| Gợi ý nào được đề xuất khi thực hiện sao lưu dữ liệu? | Tất cả các phương án đều đúng |
| Giả sử có 1 CSDL chứa thông tin của các công ty cùng với mã vùng (zip code). Hiện tại CSDL chỉ mới chứa dữ liệu của các công ty với 5 mã vùng khác nhau. Số công ty trong mỗi mã vùng có thể từ 10 đến 5000. Trong tương lai sẽ có thêm nhiều công ty với các mã vùng mới khác. Bạn cần tạo 1 truy vấn để xem thông tin từ CSDL. Việc thực thi truy vấn không được ảnh hưởng đến số công ty được trả về. Truy vấn được tạo ra cần thông nhất và làm tối thiểu việc phải bảo trì sửa đổi truy vấn này trong tương lai. Bạn nên làm gì? | Tạo 1 thủ tục (stored procedure) yêu cầu mã vùng như tham số đầu vào, bao gồm tùy chọn WITH RECOMPILE khi tạo thủ tục |
| Giả sử, CSDL được lập lịch Full Database Backup vào ngày chủ nhật, Differential Database Backup vào ngày thứ ba và thứ năm, còn Log Database Backup cứ mỗi tiếng một lần vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần, Trong trường hợp, ngày thứ sáu có sự cố với CSDL data file bị hỏng, để phục hồi dữ liệu và CSDL hoạt động bình thường, thứ tự các bước phục hồi thực hiện như thế nào? | Khôi phục Full Database của ngày chủ nhật. Phục hồi Differential Database của ngày thứ năm. Khôi phục Transaction log backup ngày thứ năm. |
| Hàm nào trong SQL Server trả về ngày hiện tại của hệ thống? | Getdate() |
| Hãy tìm lỗi trong thủ tục sau: Create proc prc1ASDeclare @a smallintDeclare @b smallintSet @a = 1Set @b= 1While (@a <=10)BeginWhile (@a <5) AND (@b>1) or (@b<3)BeginSet @a= @a+@bSet @b=@b+1EndEndreturn | Vòng lặp không kết thúc |
| Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server 2008 không hỗ trợ tính năng nào sau đây? | Kết nối dữ liệu với các dịch vụ điện toán đám mây |
| Hỗ trợ kiến trúc Client/Server (Supports Client/Server model) là gì? | Tất cả các phương án đều đúng |
| Jack cần chèn 1 điểm dừng (save point) có tên là 'Returnback' vào transaction của anh t. Nên dùng lệnh nào sau đây: | SAVE SAVEPOINT Returnback |
| Kết quả của câu truy vấn sau là gì? SELECT (25%5) ,(8%2.5) | 0 và 0.5 |

| | |
|---|---|
| <p>Kết quả của đoạn T-SQL sau sẽ như thế nào?</p> <pre> DECLARE @X VARCHAR(10) = 'TITL', @Y VARCHAR(10) = 'TITLE' BEGIN IF @X >= @Y print('X is greater') IF @Y >= @X print('Y is greater') END </pre> | <p>“Y is greater”</p> |
| Kết quả của POWER(6, 2) là bao nhiêu? | 36 |
| Kiểu dữ liệu nào sau đây KHÔNG có trong SQL Server ? | Bool |
| <p>Khảo sát thủ tục sau:Create procedure prcTemp@tmp int outputAsSelect @tmp=ytd_sales from titlesReturn</p> <p>Hãy xác định lệnh SQL được dùng để hiển thị giá trị của biến đầu ra khi thủ tục này được gọi :</p> | <pre> Declare @temp intExec prcTemp @tmp=@temp outputPrint @temp </pre> |
| Khi thực hiện thao tác nào với bảng thì trigger được gọi? | Tất cả các phương án đều đúng |
| Khi xảy ra một sự kiện thao tác dữ liệu trong CSDL được lưu tạm vào bảng nào? | Deleted và Inserted |
| Làm cách nào để trả về nhiều giá trị từ 1 procedure? | Sử dụng các parameters OUT parameters. |
| Lệnh nào sau đây không thể rollback? | DROP |
| <p>Lệnh sửa đổi 1 thủ tục có tên là prcPrintStoreList như sau:ALTER PROCEDURE prcPrintStoreList @state char(15)ASBEGINIF EXISTS(SELECT * FROM Stores WHERE state=@state)BEGINPRINT 'List of Stores'SELECT stor_id,stor_name, stor_address,cityFROM Stores WHERE state = stateReturn 0ENDElseBEGINPRINT 'No Records Found for given state'RETURN 1ENDEND</p> <p>Hãy xác định kết quả sửa đổi này</p> | Lỗi khi chạy thủ tục (Run-time error) |
| Lý do cần thiết phải thực hiện sao lưu dữ liệu? | Tất cả các phương án đều đúng |

| | |
|--|---|
| Mô hình phục hồi thực hiện: “Là mô hình phục hồi toàn bộ hoạt động giao dịch của dữ liệu (Insert, Update, Delete, hoạt động bởi lệnh bcp, bulk insert).” | Full Recovery model |
| Mỗi cơ sở dữ liệu trong SQL Server gồm mấy tập tin? | 3 |
| Một câu lệnh IF... ..ELSIF có thể có mấy mệnh đề ELSE? 0 64 1 | Không giới hạn |
| Một cột kiểu NCHAR(25) chiếm dung lượng là? | 50 byte |
| Một cơ sở dữ liệu chứa ít nhất là? | 1 file mdf |
| Mục đích của câu lệnh ALTER TRIGGER là gì? | Sửa một trigger đã có |
| Nếu lưu giá trị 34567.2255 vào một cột có kiểu dữ liệu NUMBER(7,2), giá trị thực sự được lưu trữ là: | 34567.23 |
| Người dùng duyệt Web bằng phần mềm gì? | Web Browser |
| Paul thực hiện lệnh SQL sau:SELECT Customers.name, Customers.ord_id, Orders.ord_dateFROM Customers INNER JOIN OrdersWHERE Customers.cust_id = Orders.cust_idMỗi bảng trong lệnh trên đều chứa 10000 hàng, do đó phải mất nhiều thời gian để thực hiện Để cải thiện việc thực thi truy vấn này, nên dùng đối tượng nào sau đây: | Stored Procedures |
| Phát biểu nào sau đây mô tả thuộc tính atomicity của 1 transaction ? | Mọi chỉnh sửa trong 1 transaction hoặc được thi hành hết hoặc không có 1 chỉnh sửa nào được thực hiện |
| Phần mềm nào sau đây không phải là một Web Browser? | File Zilla |
| Phiên bản cài đặt nào sau đây đủ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thực hiện tính năng thương mại điện tử? | Standard Edition |
| Phiên bản Enterprise của SQL Server chứa đầy đủ các đặc trưng của SQL Server và có thể chạy tốt trên hệ thống lên đến? | 32 CPUs và 64 GB RAM |

| | |
|--|--|
| Phiên bản Personal của SQL Server có thể cài đặt? | Trên hầu hết các phiên bản của windows, kể cả Windows 98. |
| Phương pháp phân mảnh thực hiện: Chia quan hệ ban đầu R thành các mảnh (đoạn), mỗi mảnh chứa một số bộ giá trị của R thỏa mãn một tính chất nào đấy (điều kiện phân mảnh). | Phân mảnh ngang |
| Phương pháp phân mảnh thực hiện: Chia tách quan hệ ban đầu R thành các quan hệ Ri có số cột nhỏ hơn, (tập con của R) nhưng mỗi Ri đều phải chứa khóa chính của R | Phân mảnh dọc |
| Phương pháp phân tán nào mà dữ liệu để tại một Server và các máy khách (Client) liên kết đến để khai thác? | Tập trung dữ liệu |
| Quy luật nào sau đây không đúng đối với một thủ tục (stored procedure). | Bạn có thể tạo một bảng tạm riêng bên trong 1 thủ tục |
| Sự khác biệt cơ bản giữa detach và xóa CSDL? | CSDL vẫn còn trong máy nhưng tạm thời bị tách khỏi Instance |
| Sự khác nhau cơ bản trong 2 trường hợp sau: 1. Sửa trigger bằng lệnh Alter trigger 2. Xóa trigger bằng lệnh drop trigger sau đó tạo lại bằng lệnh create trigger | Tất cả các phương án đều đúng |
| Tập tin có phần mở rộng là .ndf được dùng để làm gì? | Chỉ dùng khi cơ sở dữ liệu được phân chia chứa trên nhiều đĩa |
| Thành phần nào không phải đối tượng trong SQL Server? | Replication |
| Thành phần nào sau đây của SQL Server cho phép người dùng quản lý các đối tượng cơ sở dữ liệu bằng đồ họa? | SQL Server Management Studio |
| Thành phần nào sau đây thuộc phía Server trong mô hình Client – Server? | Database |
| Thay vì thực hiện truy vấn câu lệnh: SELECT * FROM Server2.QuanlyKH.dbo.KhachHang Để thực hiện trong suốt dữ liệu với tên là “QLKH” thì câu lệnh đúng là gì? | Create synonym QLKH for Server2.QuanlyKH.dbo.KhachHang Select * from QLKH |

| | |
|--|--|
| <p>Thủ tục GetSalesPersonData được tạo ra trả về số tiền bán được của nhân viên:CREATE PROCEDURE</p> <p>GetSalesPersonData @SalesPersonID int, @RegionID int, @SalesAmount money</p> <p>OUTPUT AS SELECT @SalesAmount = SUM(SalesAmount) FROM SalesInformation WHERE @SalesPersonID = SalesPersonID</p> <p>Lệnh nào sau đây sẽ thực thi đúng thủ tục trên?</p> | <p>EXECUTE GetSalesPersonData 1,1, @SalesAmount OUTPUT</p> |
| <p>Thủ tục sp_addlinkedserver dùng để thực hiện gì?</p> | <p>Thêm một Linked Server (Cho phép liên kết đến Server khác)</p> |
| <p>Thuộc tính nào sau đây không dùng để cấu hình cơ sở dữ liệu SQL Server?</p> | <p>Auto Read</p> |
| <p>Thứ tự kiểm tra ràng buộc toàn vẹn dữ liệu là gì?</p> | <p>Trigger instead of -> Constraint -> Trigger For/After</p> |
| <p>Trigger khác so với thủ tục lưu ở nội dung gì?</p> | <p>Tất cả các phương án đều đúng</p> |
| <p>Trong cơ sở dữ liệu hệ thống, tập tin nào sau đây lưu trữ các thông tin login account?</p> | <p>Master</p> |
| <p>Trong table NHANVIEN, giá trị LUONG của nhân viên tên A (TenNV = 'A') trong T-SQL sau bằng mấy?</p> <pre> BEGIN UPDATE NHANVIEN SET luong = 6000 WHERE TenNV = 'A' SAVE tran save_A UPDATE NHANVIEN SET luong = 7500 WHERE TenNV = 'A' SAVE tran save_A UPDATE NHANVIEN SET luong = 3000 WHERE TenNV = 'A' SAVE Tran save_A1 ROLLBACK tran save_A END COMMIT </pre> | <p>6000</p> |

| | |
|---|---|
| <p>Xác định ý nghĩa thủ tục sau:CREATE PROC get_playername @sport_id varchar(10)ASSELECT player_lname, player_fnameFROM sports WHERE sport_id = @sport_id</p> | <p>Thủ tục có 1 tham số vào là sport_id và sẽ hiển thị tên vận động viên (player) mà có Id bằng với tham số đầu vào</p> |
| <p>Xem xét thủ tục sau: CREATE PROCEDURE INS_NV (@V_ID int, @V_NAME VARCHAR(20) = 'NGUYEN', @V_ADD VARCHAR(20)) AS BEGIN INSERT INTO Nhanvien (Manv, TenNV, Diachi) VALUES (@v_id, @v_name, @v_ADD) END Để thực hiện đoạn thủ tục trên thì dùng lệnh?</p> | <p>EXECUTE INS_NV 3,'HA','HANOI'</p> |
| <p>Ý nghĩa của đoạn mã sau là gì? CREATE TRIGGER TG_PC ON PHANCONG INSTEAD OF insert AS BEGIN declare @tg as float SELECT @tg = SoGio from INSERTED if (@tg<5 and @tg>10) Raiserror('Thoi gian chi nhap tu 5 den 10', 16,1) END</p> | <p>Đoạn mã tạo trigger cho phép nhập số giờ của nhân viên chỉ là từ 5 đến 10 khi thêm phân công nhân viên thực hiện dự án</p> |

